TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/KDTM-PT
Ngày: 10 và 20/01/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Bùi Đức Bằng**

Các Thẩm phán**:** **Bà Nguyễn Thị Hạnh**

Ông Trần Anh Tuấn

- Thư ký phiên toà: **Ông Nguyễn Trung Kiên** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Huyền Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 10 và 20/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 154/2024/TLPT-KDTM ngày 04/7/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân quận BTL, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 800/2024/QĐXX-PT ngày 25/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 809/2024/QĐ-HPT ngày 10/12/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (*tên gọi cũ là Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – gọi tắt là Ngân hàng LPBank*).

Trụ sở: Tòa nhà LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam Tiến - Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Mạnh Hùng - Phó Giám đốc Khối Xử lý nợ - LPBank (*Theo Quyết định ủy quyền số 28294/2024/QĐ-LPBank.XL ngày 14/10/2024 của Quyền Tổng Giám đốc LPBank và Quyết định ủy quyề số 28314/2024/QĐ-LPBank.XLN ngày 14/10/2024 của Giám đốc Khối Xử lý nợ*).

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Luyện Duy Hoàng, ông Nguyễn Thế Hiếu, ông Phạm Mạnh Tùng, ông Nguyễn Tiến Cường, ông Nguyễn Việt Thắng, ông Nguyễn Tuấn Ngọc, ông Trần Sơn Tùng - Chuyên viên phòng xử lý nợ phía Bắc. *(Giấy ủy quyền số 31752/2024/UQ-LPBank.XLN ngày 10/12/2024).*

2. Bị đơn: Công ty cổ phần CCN.

Trụ sở: Tầng 3, số 14 Đặng Thùy Trâm, phường CN 1, quận BTL, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn K - Giám đốc.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Vương Văn Ch, sinh năm 1964.

Hiện làm việc tại: Cavico Lao Mining co, Ltd; Xiengyeun Village, Ch District, Vientiane Capital, Lao D.P.R.

2. Bà Trương Thị T, sinh năm 1981.

3. Chị Mai Thị N, sinh năm 2003.

Cùng địa chỉ: P 1105 nhà A, Chung cư 17 tầng, TDP số 14, phường CD, quận NTL, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Nguyễn Văn H, ông Phạm Văn L.

Địa chỉ: P 202, Tòa 17T4 Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

4. Ông Lâm Ngọc T1, sinh năm 1972

5. Bà Đoàn Mỹ H, sinh năm 1976

Cùng đại chỉ: P 2407 tầng 24 tòa A3 chung cư Thăng Long Garden 250 Minh Khai, phường MK, quận HBT, Hà Nội.

6. Văn phòng Công chứng ND

Địa chỉ: Số 45 Cửa Nam, phường CN, quận HK, Hà Nội.

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hoàng và ông Tùng có mặt; đại diện theo ủy quyền của bà T là ông H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/06/2017, Ngân hàng LPBank – Chi nhánh Thăng Long đã ký Hợp đồng tín dụng số HDTD110201705 với Công ty cổ phần CCN (*sau đây gọi tắt là Công ty CCN*) về việc cho vay vốn. Các điều khoản chính của hợp đồng: Tổng hạn mức tín dụng Ngân hàng cấp cho Công ty CCN là 4.000.000.000 (Bốn tỷ) đồng; Mục đích bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty CCN. Công ty CCN không thanh toán được khoản vay theo cam kết trong hợp đồng tín dụng nên khoản vay đã bị chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 15/7/2018. Số tiền Công ty CCN đã nhận nợ là: 5.605.906.122 đồng. Khoản vay của Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng các tài sản sau:

- Tài sản 1: Bất động sản tại Căn hộ 4B tầng 11, nhà A khu nhà ở bán, phường CD, quận NTL, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 827466, Số QĐ: 6538 QĐ-UBND, số vào sổ cấp GCN: CH00287 do Uỷ ban nhân dân huyện TL, Hà Nội cấp ngày 25/07/2011 cho Ông Đỗ Anh T2 và bà Vũ Thị Thu H1, ngày 03/10/2011 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện TL thành phố Hà Nội đã đăng ký sang tên cho **ông Vương Văn Ch**, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số **013309/2011**, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 04/11/2011 và các phụ lục đính kèm.

Tài sản 2: Bất động sản tại Căn 1105 tầng 11 nhà A2, số 229 phố Vọng, phường ĐT, quận HBT, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 239765, Số vào sổ cấp GCN: CH00575/326-2011 do Ủy ban nhân dân quận HBT, Hà Nội cấp ngày 14/06/2011 cho Bà Công Thị Minh Ch1. Ngày 25/07/2011, Văn phòng đăng ký đất và nhà quận HBT, Hà Nội đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản

gắn liền với đất cho **ông Lâm Ngọc T1**, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số **014631/2012**, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 09/04/2012 và các phụ lục đính kèm.

Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng LPBank đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu Công ty CCN và bên bảo đảm có phương án trả nợ để tất toán khoản vay, nhưng các phương án đều không khả thi. Do vậy Ngân hàng LPBank khởi kiện buộc Công ty CCN phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng LPBank theo Hợp đồng tín dụng số HDTD110201705 ngày 22/06/2017 số tiền tạm tính đến ngày 03/01/2020 là **4.221.532.101 đồng**, trong đó, nợ gốc: 3.454.942.679 đồng, lãi trong hạn: 43.349.337 đồng, lãi quá hạn: 723.240.085 đồng. Trong thời gian chưa thanh toán hết nợ gốc, Công ty CCN phải chịu lãi suất quá hạn theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi tất toán khoản vay.

- Sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty CCN không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ và bên Thế chấp không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay theo như cam kết trong Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng tín dụng đã ký thì Ngân hàng LPBank được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm là:

+ Bất động sản tại Căn hộ 4B tầng 11, nhà A khu nhà ở phường CD, quận NTL, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 827466, Số QĐ: 6538 QĐ-UBND, số vào sổ cấp GCN: CH00287 do Uỷ ban nhân dân huyện TL, Hà Nội cấp ngày 25/07/2011 cho Ông Đỗ Anh T2 và bà Vũ Thị Thu H1, ngày 03/10/2011 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện TL, Hà Nội đã đăng ký sang tên cho ông Vương Văn Ch, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 013309/2011, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 04/11/2011 và các phụ lục đính kèm.

+ Bất động sản tại căn hộ số 1105 tầng 11 nhà A2, số 229 phố Vọng, phường ĐT, quận HBT theo Giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 239765, Số vào sổ cấp GCN: CH00575/326-2011 do Ủy ban nhân dân quận HBT cấp ngày 14/06/2011 cho bà Công Thị Minh Châu. Ngày 25/07/2011, Văn phòng đăng ký đất và nhà quận HBT đã đăng ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông Lâm Ngọc

T1 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 014631/2012, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 09/04/2012 và phụ lục đính kèm.

Ngày 04/11/2020, Ngân hàng LPBank có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với nội dung: Rút số tiền gốc 1.850.000.000 đồng và rút yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm đối với ông Lâm Ngọc T1 và bà Đoàn Mỹ H là Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Căn 1105 tầng 11 nhà A2, số 229 phố Vọng, phường Đông Tâm, HBT, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận số BE239765 do UBND quận HBT, thành phố Hà Nội cấp ngày 14/6/2011 cho bà Công Thị Minh C, đã chuyển nhượng đứng tên ông Lâm Ngọc T1.

Những vấn đề cụ thể nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết tiếp bao gồm:

- Buộc Công ty CCN phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng LPBank theo Hợp đồng số 110201705 ngày 22/6/2017 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/10/2023 là 3.568.576.006 đồng, nợ gốc: 1.604.942.679 đồng, nợ lãi trong hạn 43.349.337 đồng, nợ lãi quá hạn 1.920.283.987 đồng và phải chịu lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng cho đến khi tất toán khoản vay.

- Trường hợp Công ty CCN không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả được một phần khoản nợ, bên thế chấp không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay theo như cam kết trong hợp đồng tín dụng, thế chấp đã ký thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là: Căn hộ 4B tầng 11 nhà A, khu nhà ở bán, phường CD, quận NTL, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ827466 do UBND huyện TL cấp ngày 25/7/2011 mang tên ông Vương Văn Ch.

2. Bị đơn -Công ty CCN trình bày:

Cuối năm 2017, ông Nguyễn Văn K và một số người bạn nhận chuyển nhượng Công ty CCN từ ông Vương Văn Ch và ông Lâm Ngọc T1. Khi nhận chuyển nhượng, trong hợp đồng đã ghi rõ tại mục 5.6. *"Đối với khoản vay Ngân hàng 3.7 tỷ, ông Vương Văn Ch chịu trách nhiệm thanh toán với sự hỗ trợ thủ tục của Công ty CP CCN. Trường hợp ông Vương Văn Ch không thanh toán hoặc chậm thanh toán, Ngân hàng LPBank được quyền xử lý tài sản đảm bảo theo quy định và ông Vương Văn Ch phải chấp nhận"*. Nay Ngân hàng LBBank khởi kiện buộc Công ty CCN phải thanh toán số tiền 2.822.482.169 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.604.942.679 đồng, Công ty CCN có ý kiến như sau: Công ty

không đồng ý thanh toán số tiền trên vì theo cam kết trên Công ty CCN không phải thanh toán khoản nợ này mà là ông Ch. Do điều kiện công việc, ông K đề nghị Tòa án cho Công ty CCN được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử vụ án.

3. Những Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

3.1 Ông Lâm Ngọc T1 và bà Đoàn Mỹ H trình bày:

Ngày 03/11/2020 ông T1 và bà H đã thực hiện việc nộp số tiền là 1.850.000 đồng cho Ngân hàng LPBank để giải chấp tài sản đảm bảo nêu trên. Sau đó Ngân hàng LPBank cũng đã có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông T1 và bà H. Ông bà không có liên quan gì trong vụ án này đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông bà.

3.2. Ông Vương Văn Ch trình bày:

Đề nghị Tòa án tuyên bố vô hiệu Hợp đồng thế chấp công chứng 013309/2011 giữa ông Vương Văn Ch và Ngân hàng LPBank; Tài sản thế chấp: Căn hộ 4B tầng 11, nhà A khu nhà ở bán, phường CD, quận NTL với lý do hợp đồng thế chấp đã vi phạm điều cấm của pháp luật vì ông Ch không phải là bên vay vốn để sản xuất kinh doanh mà chỉ đảm bảo cho khoản vay của Công ty CCN (Vi phạm Điều 113 của Luật Đất đai 2003 và các điều 342, 715, 717, 718 của Bộ luật Dân sự năm 2005). Đơn của ông Ch do người đại diện theo ủy quyền nộp cho Tòa án.

- Theo thông tin của Phòng Xuất nhập cảnh Công an thành phố Hà Nội cung cấp thì từ năm 2018 đến nay, ông Ch thường xuyên xuất nhập cảnh qua cửa khẩu Cầu Treo. Ngày 20/9/2022, Tòa án nhân dân quận BTL đã nhận được văn bản của ông Ch gửi từ Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào qua đường bưu điện với nội dung: Ông Ch đang sinh sống và làm việc tại địa chỉ: Cavico Lao Mining co,Ltd; Xiengyeun village, C District, Vientiane Capital, Lao DPR (*Đơn có xác nhận của cơ quan nơi ông Ch công tác*). Thông tin xuất cảnh mới nhất của ông Ch: Ngày 02/12/2023, ông Ch xuất cảnh qua cửa khẩu Cầu Treo.

3.3. Bà Trương Thị T trình bày:

Có đơn đề nghị Tòa án tuyên bố vô hiệu Hợp đồng thế chấp công chứng 013309/2011 giữa bên thế chấp: Ông Vương Văn Ch; Bên nhận thế chấp: Ngân hàng LPBank; Tài sản thế chấp: Căn hộ 4B tầng 11, nhà A khu nhà ở bán, phường CD, quận NTL với lý do: Hợp đồng thế chấp đã vi phạm điều cấm của

pháp luật vì ông Ch không phải là bên vay vốn để sản xuất kinh doanh mà chỉ đảm bảo cho khoản vay của Công ty CCN (Vi phạm Điều 113 của Luật Đất đai 2003 và các điều 342, 715, 717, 718 của Bộ luật Dân sự 2005); Bà đã kết hôn với ông Ch (Năm 2011) nên căn hộ ông Ch thế chấp là tài sản chung, có một phần công sức của bà nên việc ông Ch thế chấp làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà.

3.4. Chị Mai Thị N, tại đơn đề nghị ngày 11/7/2022 và 18/7/2022 trình bày:

Từ năm 2012, chị và mẹ chị là bà Trương Thị T chuyển đến sống tại căn hộ 4B tầng 11, nhà A khu nhà ở phường CD, quận NTL. Trong quá trình sinh sống, chị đã có công sửa chữa, tôn tạo căn hộ, đề nghị Tòa án đưa chị tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, chị N đã không cung cấp bản khai hay tài liệu, chứng cứ nào khác cho Tòa án.

3.5. Văn phòng Công chứng Nguyễn Dũng, tại văn bản số 62/2023/CV-ND trình bày

Việc thực hiện công chứng Hợp đồng thế chấp công chứng 013309/2011 ngày 04/11/2011 của Văn phòng công chứng Hồ Gươm (Nay là Văn phòng công chứng Nguyễn Dũng) tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Các bên tham gia gia dịch cung cấp đủ giấy tờ cần thiết và thủ tục công chứng thực hiện đúng pháp luật. Văn phòng công chứng Nguyễn Dũng xác định không liên quan và đề nghị không tham gia toàn bộ quá trình giải quyết vụ kiện tại Tòa án và không tham dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án.

Văn phòng công chứng Nguyễn Dũng đã cung cấp cho Tòa án toàn bộ hồ sơ công chứng Hợp đồng thế chấp công chứng số 013309/2011 nêu trên.

4. Tại phiên tòa sơ thẩm:

- **Nguyên đơn:** Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bị đơn - Công ty CCN phải thanh toán cho Ngân hàng LPBank số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử là 3.620.206.793 đồng theo Hợp đồng số 110201705, trong đó nợ gốc là: **1.604.942.679 đồng**; lãi trong hạn: **43.349.340 đồng**; lãi quá hạn: **1.971.914.773 đồng** ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Nếu Công ty CCN không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng LPBank thì Ngân hàng LPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản ký ngày 29/10/2015 nêu trên giữa Ngân

hàng LPBank và ông Ch. Sau khi bán tài sản đảm bảo mà không đủ thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi, lãi phạt và các chi phí khác thì ông có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng LPBank. Ngân hàng LPBank đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Ch, bà T. Việc ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp của Ngân hàng LPBank với ông Ch, bà T là đúng theo quy định của pháp luật, được thực hiện tại Văn phòng công chứng Hồ Gươm.

- *Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Vắng mặt, không có bản trình bày ý kiến nào thêm.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân quận BTL đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng LPBank đối với Công ty CCN.

2. Buộc Công ty CCN phải trả cho Ngân hàng LPBank tổng số tiền nợ gốc và lãi đến ngày xét xử (ngày 15/01/2024) là 3.620.206.793 đồng theo Hợp đồng số 110201705 được kí kết giữa hai bên, trong đó nợ gốc là: 1.604.942.679 đồng; lãi trong hạn: 43.349.340 đồng; lãi quá hạn: 1.971.914.773 đồng.

Kể từ ngày 16/01/2024, Công ty CCN không trả số tiền nêu trên cho Ngân hàng LPBank thì còn phải chịu lãi suất trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị vay vốn kiêm khế ước nhận nợ đến ngày trả xong nợ gốc.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng LPBank nếu Công ty CCN không trả được số tiền nêu trên thì Ngân hàng LPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản bảo đảm là: Căn hộ 4B tầng 11, nhà A khu nhà ở bán, phường CD, quận NTL, thành phố Hà Nội của ông Vương Văn Ch.

Tài sản đảm bảo cho nợ gốc là 1.604.942.679 đồng và lãi phát sinh từ nợ gốc theo hợp đồng kí kết (*Đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.312.733.539 đồng, trong đó: lãi trong hạn là 9.496.882, lãi quá hạn là 1.303.236.657 đồng*).

4. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý, bán tài sản đảm bảo không đủ để trả khoản nợ, Công ty CCN có nghĩa vụ trả nốt số tiền còn thiếu cho Ngân hàng LPBank.

5. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của Ch, bà T về việc hủy Hợp đồng thế chấp tài sản số 013309/2011, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 04/11/2011 lập tại Văn phòng Công chứng HG.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền thi hành án và kháng cáo theo quy định của pháp luật.

** Không đồng ý với bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, ngày 29/01/2024 Viện Kiểm sát nhân dân quận BTL kháng nghị và ngày 02/4/2024 ông Nguyễn Văn H (đại diện ủy quyền của bà Trương Thị T) có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân quận BTL, thành phố Hà Nội. Cụ thể như sau:*

- Viện Kiểm sát nhân dân quận BTL kháng nghị: Kháng nghị toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, với lý do: *Tòa án nhân dân quận BTL thụ lý, giải quyết vụ án không đúng thẩm quyền vì có đương sự có nước ngoài. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm để chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm*.

- Ông Nguyễn Văn H (*đại diện ủy quyền của bà Trương Thị T*) kháng cáo toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, với lý do: Tòa án nhân dân quận BTL thụ lý, giải quyết vụ án không đúng thẩm quyền vì có đương sự có nước ngoài và chưa xem xét, giải quyết đầy đủ quyền, lợi lích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm để chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

5. Tại cấp phúc thẩm:

5.1 Ông Nguyễn Văn H (đại diện ủy quyền của bà Trương Thị T) trình bày:

- Đối với nội dung kháng cáo về thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm: Theo đơn kháng cáo, ông Nguyễn Văn H - đại diện ủy quyền của bà Trương Thị T đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do ông Ch hiện đang sinh sống và làm việc tại Lào nên Tòa án nhân dân quận BTL thụ lý giải quyết là không đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn H thay đổi nội

dung kháng cáo, rút yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do nêu trên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục xét xử vụ án và sửa bản án sơ thẩm.

- Đối với nội dung kháng cáo về việc thanh toán chi phí sửa chữa, tôn tạo căn hộ là tài sản thế chấp: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án về việc chấp nhận yêu cầu thanh toán chi phí sửa chữa, tôn tạo căn hộ là tài sản thế chấp tại địa chỉ số 4B tầng 11, nhà A khu nhà ở bán, phường CD, quận NTL cho bà T. Vì đây là tài sản chung của bà T và ông Ch. Trong quá trình chung sống, bà T đã sửa chữa lại căn hộ, duy trì phát triển căn hộ đến nay. Tổng chi phí hết 269.370.337 đồng. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà T đã có yêu cầu nhưng chưa được Tòa án chưa xem xét, giải quyết.

5.2 Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng LPBank trình bày:

Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Sau khi ký Hợp đồng tín dụng số HDTD110201705 ngày 22/6/2017, Công ty CCN không thanh toán nợ cho Ngân hàng LPBank theo đúng như thỏa thuận đã ký. Công ty CCN đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên nên phải có trách nhiệm trả nợ. Số tiền nợ gốc là: 1.604.942.679 đồng.

Về yêu cầu thanh toán tiền lãi:

Thực hiện Quyết định số 814/2024/QĐ-CCTLCC ngày 09/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, Ngân hàng LPBank đã cung cấp các Quyết định điều chỉnh lãi suất và Bảng kê tính gốc, lãi mà Công ty CCN phải thanh toán tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Theo Bảng kê cung cấp tại Tòa án cấp phúc thẩm trên thì tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 15/01/2024, Công ty CCN phải thanh toán số tiền lãi là 2.048.296.460 đồng, trong đó lãi trong hạn: 43.349.340 đồng; lãi quá hạn: 2.004.947.120 đồng.

Như vậy, so với bảng kê tính lãi Ngân hàng LPBank cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm thì số tiền lãi theo Bảng kê cung cấp tại Tòa án cấp phúc thẩm nhiều hơn là 33.032.347 đồng. Số tiền lãi có sự chênh lệch lớn hơn trên là do lãi suất sau khi điều chỉnh hiện nay của Ngân hàng LPBank lớn hơn so với thời kỳ trước đây.

Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho Công ty CCN, Ngân hàng LPBank giữ nguyên yêu cầu thanh toán số tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn là 15,45%/năm như Bảng kê cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm. Theo đó, tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 15/01/2024, Công ty CCN phải thanh toán số tiền lãi là

2.015.264.113 đồng, trong đó lãi trong hạn: 43.349.340 đồng; lãi quá hạn: 1.971.914.773 đồng.

Kể từ ngày 16/01/2024, trường hợp Công ty CCN không trả số tiền nêu trên cho Ngân hàng LPBank thì phải chịu lãi suất trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HDTD110201705 ngày 22/6/2017, giấy đề nghị vay vốn kiêm khế ước nhận nợ cho đến ngày trả xong nợ gốc.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án*:

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội thay đổi một phần kháng nghị theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-KDTM ngày 29/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận BTL cụ thể như sau:

Thứ nhất, có cơ sở xác định tại thời điểm Tòa án nhân dân quận BTL thụ lý vụ án kinh doanh thương mại và thụ lý yêu cầu của ông Vương Văn Ch theo quyết định chuyển vụ án của Tòa án nhân dân quận NTL thì ông Vương Văn Ch đã có giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H và ông Phạm Văn L nộp đơn khởi kiện và tham gia tố tụng tại các cấp Tòa án. Sau khi thụ lý vụ án, trong quá trình Tòa án nhân dân quận BTL giải quyết, ngày 31/5/2021, ông H và ông L cung cấp thông tin ông Vương Văn Ch đang làm việc và sinh sống tại Lào nhưng không liên lạc được với ông Ch do không rõ địa chỉ nên mới có văn bản chấm dứt ủy quyền. Ngày 20/9/2022, ông Ch có văn bản gửi từ Lào về qua đường bưu điện đề nghị Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Ch theo địa chỉ tại Lào.

Như vậy, ông Ch đã cung cấp địa chỉ cụ thể nơi làm việc, có xác nhận của cơ quan tại Lào và đã có văn bản đề nghị Tòa án tống đạt các vản bản tố tụng cho ông theo địa chỉ tại Lào. Đáng lẽ trong trường hợp này, khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý lại vụ án để giải quyết thì phải thực hiện các thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự ở nước ngoài theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tống đạt và niêm yết tại địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông Ch tại "*P1105, nhà A, Chung cư 17 tầng, TDP số 14, phường CD, Quận NTL, thành phố Hà Nội*" là tống đạt chưa hợp lệ.

Tại cấp phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm đã thông báo thụ lý, có văn bản phổ biến quyền và nghĩa vụ tống đạt cho ông Ch theo đại chỉ tại Lào nhưng ông

Ch không có bản trình bày ý kiến và không đến Tòa án làm việc. Như vậy, ông Ch đã tự từ bỏ quyền được tự bảo vệ và trình bày ý kiến của mình. Thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm đã được khắc phục tại cấp phúc thẩm nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Thứ hai, đối với yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xét thấy Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, về hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên phát sinh hiệu lực đối với các bên. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty CCN phải thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp là có căn cứ.

Về yêu cầu thanh toán số tiền lãi.

Tại Điều 4 của các Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD110201705 ngày 22/6/2017 các bên có thỏa thuận: "*Phương thức áp dung và điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất theo phương thức thả nổi, định kỳ điều chỉnh 03 tháng 1 lần và được xác định theo công thức:* $LS_{CV} = LS_{TK\ 13\ tháng} + Margin$".

Theo Bảng kê tính lãi Ngân hàng LPBank cung cấp thể hiện Ngân hàng không áp dụng và điều chỉnh lãi suất theo đúng thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng mà từ tháng 5/2018 đến nay, Ngân hàng tính lãi cố định với mức lãi suất trong hạn là 10,3%/năm, lãi suất quá hạn là 15,45%/năm. Toà án cấp sơ thẩm không yêu cầu Ngân hàng cung cấp các Quyết định điều chỉnh lãi suất mà chấp nhận toàn bộ yêu cầu tính lãi của Ngân hàng là không đúng.

Tại cấp phúc thẩm, Ngân hàng LPBank đã cung cấp các Quyết định trên và Biểu tính lãi. Đại diện VKSND thành phố Hà Nội đã có ý kiến về việc thay đổi nội dung Quyết định kháng nghị về nghĩa vụ thanh toán tiền lãi. Theo Biểu tính lãi mới thì số tiền lãi Công ty CCN phải thanh toán cho Ngân hàng là 2.048.296.460 đồng, trong đó lãi trong hạn: 43.349.340 đồng; lãi quá hạn: 2.004.947.120 đồng, thay đổi tăng lên so với số tiền lãi mà Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty CCN thanh toán. Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng LPBank vẫn giữ nguyên yêu cầu về việc thanh toán tiền lãi như tại cấp sơ thẩm. Như vậy, kháng nghị của VKS về nghĩa vụ thanh toán lãi là có căn cứ. Song xét thấy trên cơ sở ý kiến của Ngân hàng LPBank và để

đảm bảo quyền lợi của Công ty CCN cũng như người có quyền, nghĩa vụ liên quan thì cần giữ nguyên số tiền lãi như cấp sơ thẩm đã quyết định.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về thủ tục kháng cáo:

- Theo tài liệu tống đạt thể hiện, ngày 28/02/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị T và ông Nguyễn Văn H nhận được Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân quận BTL. Ngày 13/3/2024, ông Nguyễn Văn H, đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị T làm đơn kháng cáo gửi Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét lại Bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H làm trong thời hạn luật định. Người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên việc kháng cáo là hợp lệ.

- Ngày 29/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân quận BTL có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-KDTM kháng nghị Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân quận BTL.

Như vậy, đơn kháng cáo và quyết định kháng nghị làm trong thời hạn luật định và hợp lệ. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự trong vụ án. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2].Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Thứ nhất, đối với nội dung kháng cáo, kháng nghị liên quan đến thẩm quyền xét xử, thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm do có

đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ở nước ngoài.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự thể hiện:

- Ngày 04/11/2011, ông Vương Văn Ch đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 013309/2011, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐTHC và các Phụ lục Hợp đồng để thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình là Căn hộ 4B tầng 11, nhà A khu nhàở bán, phường CD, quận NTL, thành phố Hà Nội để thế chấp cho khoản vay của Công ty CCN tại Ngân hàng LPBank theo Hợp đồng tín dụng số HDTD110201705 ngày 22/6/2017.

- **Ngày 06/01/2020**, Tòa án nhân dân quận BTL nhận được Đơn khởi kiện vụ án tranh chấp HĐTD giữa Ngân hàng LPBank và Công ty CCN đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số HDTD110201705 ngày 22/6/2017. Trong đó, có yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là Căn hộ 4B tầng 11, nhà A khu nhà ở bán, phường CD, quận NTL, thành phố Hà Nội của ông Vương Văn Ch theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 013309/2011, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 04/11/2011 và các Phụ lục Hợp đồng.

Ngày 15/5/2020, Tòa án nhân dân quận BTL đã tiến hành thụ lý Vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 23/2020/TLST-KDTM theo yêu cầu khởi kiện nêu trên của Ngân hàng VPBank.

- Ngày 09/01/2020, Tòa án nhân dân quận NTL nhận được Đơn khởi kiện đề ngày **19/02/2019** của Vương Văn Ch qua đường bưu điện chuyển đến về việc yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng thế chấp tài sản số 013309/2011 ngày 04/11/2021 vô hiệu và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu.

Kèm theo đơn khởi kiện là Giấy ủy quyền số 744.2019 ngày **19/02/2019** của ông Vương Văn Ch ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H và ông Phạm Văn L được nộp đơn khởi kiện và tham gia tố tụng tại các cấp Tòa án để giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện.

- Ngày 22/5/2020, Tòa án nhân dân quận NTL đã chuyển đơn khởi kiện của ông Vương Văn Ch đến Tòa án nhân dân quận BTL để giải quyết cùng trong Vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 23/2020/TLST-KDTM ngày 15/5/2020 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng LPBank và Công ty CCN.Tòa án nhân dân quận BTL đã xác định ông Vương Văn Ch là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và yêu cầu khởi kiện của ông Ch về việc đề nghị

hủy Hợp đồng thế chấp là yêu cầu độc lập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngày 05/02/2021, Tòa án nhân dân quận BTL đã thụ lý yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với yêu cầu độc lập tuyên hợp đồng thế chấp vô hiệu.

- Trong quá trình Tòa án nhân dân quận BTL giải quyết vụ án, ngày 31/5/2021, ông Nguyễn Văn H và ông Phạm Văn L cung cấp thông tin ông Vương Văn Ch đang làm việc và sinh sống tại Lào nhưng không liên lạc được với ông Ch do không rõ địa chỉ nên ông Nguyễn Văn H và ông Phạm Văn L nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm Thông báo chấm dứt ủy quyền (BL 368, 372) nội dung: "*do không liên lạc được với ông Ch để trao đổi công việc và thống nhất quan điểm giải quyết vụ án. Qua bà T được biết ông Ch đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài nên gia đình cũng chưa liên lạc được. Do đó, thông báo đến Tòa án về việc chấm dứt ủy quyền đối với ông Vương Văn Ch*".

- **Ngày 20/9/2022**, trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân dân quận BTL mới nhận được văn bản cung cấp địa chỉ và đề nghị của ông Vương Văn Ch gửi từ Lào về qua đường bưu điện. Văn bản đề ngày 29/8/2022 với nội dung: *Ông Ch đang sinh sống và làm việc tại địa chỉ: Cavico Lao Mining co,Ltd; Xiengyeun village, Ch District, Vientiane Capital, Lao DPR (Đơn có xác nhận của cơ quan nơi ông Ch công tác). Ông Ch đề nghị Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Ch theo địa chỉ nêu trên. (bút lục 484)*

- Ngày 28/9/2022, Tòa án nhân dân quận BTL ra Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 33/2022/QĐST-KDTM chuyển hồ sơ cho TAND thành phố Hà Nội giải quyết sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, với nhận định: "*.... Việc ông Ch là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang ở nước ngoài là có căn cứ và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh nên cần chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết theo thẩm quyền*."

- **Ngày 03/3/2023**, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã ra Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 08/2023/QĐST-KDTM chuyển lại hồ sơ cho TAND quận BTL giải quyết sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017 ngày 05/5/2017, khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự 2015; Điều 471 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, với nhận định: "*Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện,*

Ngân hàng đã cung cấp địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trước khi xuất cảnh, ông Ch đã ủy quyền toàn bộ cho người được ủy quyền. Như vậy, vụ án trên đây thuộc trường hợp không thay đổi về thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017 ngày 05/5/2017, khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự 2015; Điều 471 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015".

- Ngày 11/10/2023, Tòa án nhân dân quận BTL đã ra Quyết định số 19/2023/TLST-KDTM thụ lý lại vụ án để tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Ngày 22/5/2020, Tòa án nhân dân quận NTL đã chuyển đơn khởi kiện của ông Vương Văn Ch đến Tòa án nhân dân quận BTL để giải quyết cùng trong Vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 23/2020/TLST-KDTM ngày 15/5/2020 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng LPBank và Công ty CCN. Tòa án nhân dân quận BTL đã xác định ông Vương Văn Ch là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và yêu cầu khởi kiện của ông Ch về việc đề nghị hủy Hợp đồng thế chấp là yêu cầu độc lập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chuyển và nhập 02 yêu cầu khởi kiện nêu trên để giải quyết trong cùng 01 vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, giúp giải quyết được nhanh chóng và đúng đắn các yêu cầu của đương sự.

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2019 của ông Vương Văn Ch và Giấy ủy quyền ngày 19/02/2019 do ông Nguyễn Văn H và Phạm Văn L, là người đại diện theo ủy quyền gửi Tòa án nhân dân quận NTL; cũng như đơn khởi kiện ngày 06/01/2020 của Ngân hàng LPBank, kèm theo các tài liệu đã cung cấp địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho Tòa án nhân dân quận BTL, chỉ thể hiện địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú của ông Ch tại địa chỉ "*P.1105 nhà A, chung cư 17 tầng, tổ dân phố 14, phường CD, quận BTL, Hà Nội*", không có thể hiện địa chỉ tại nước ngoài.

- Tại Giấy ủy quyền ngày 19/02/2019 lập tại Phòng công chứng HBT thể hiện: "Ông Vương Văn Ch ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H và ông Phạm Văn L nộp đơn khởi kiện, tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp được toàn quyền ...". (Tại bút lục 461, 436, 414, 413)

Thực hiện việc ủy quyền, ông Nguyễn Văn H và ông Phạm Văn L đã thực

hiện thủ tục bổ sung đơn khởi kiện và nộp tạm ứng án phí theo yêu cầu của Tòa án nhân dân quận BTL (*bút lục 353, 359*). Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 4274 ngày 25/3/2021 tại Chi Cục thi hành án dân sự quận BTL thể hiện do ông Vương Văn Ch là người trực tiếp nộp. (*bút lục 361*). Các văn bản tố tụng về việc Thông báo thụ lý yêu cầu độc lập và các văn bản tố tụng khác liên quan đến việc giải quyết vụ án đều được ông Nguyễn Văn H và ông Phạm Văn L, là người đại diện theo ủy quyền của ông Ch trực tiếp nhận thay (BL 360, 358, 366). Sau khi thụ lý vụ án,trong quá trình Tòa án nhân dân quận BTL giải quyết, ngày31/5/2021ông Nguyễn Văn H và ông Phạm Văn L mới nộp Thông báo chấm dứt ủy quyền (BL 368, 372).

Như vậy, có cơ sở xác định tại thời điểm Tòa án nhân dân quận BTL thụ lý vụ án kinh doanh thương mại và thụ lý yêu cầu của ông Vương Văn Ch theo quyết định chuyển vụ án của Tòa án nhân dân quận NTL thì ông Vương Văn Ch đã có giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H và ông Phạm Văn L nộp đơn khởi kiện và tham gia tố tụng tại các cấp Tòa án. Đơn khởi kiện do ông Vương Văn Ch trực tiếp ký đơn và không có thông tin ông Ch đang làm việc và sinh sống tại nước ngoài. Sau khi thụ lý vụ án, trong quá trình Tòa án nhân dân quận BTL giải quyết, ngày 31/5/2021, ông Nguyễn Văn H và ông Phạm Văn L mới cung cấp thông tin ông Vương Văn Ch đang làm việc và sinh sống tại Lào nhưng không liên lạc được với ông Ch do không rõ địa chỉ nên mới có văn bản chấm dứt ủy quyền *(BL 368, 372*). Ngày 20/9/2022, trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân dân quận BTL mới nhận được văn bản cung cấp địa chỉ và đề nghị của ông Vương Văn Ch gửi từ Lào về qua đường bưu điện đề nghị Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Ch theo địa chỉ tại Lào. *(bút lục 484)* Tuy nhiên, ngoài ý kiến trình bày như trên, ông Ch không có bản trình bày ý kiến nào khác và không có đề nghị về việc xem xét thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, theo thông tin của Phòng Xuất nhập cảnh Công an thành phố Hà Nội cung cấp thì ông Vương Văn Ch thường xuyên xuất nhập cảnh qua cửa khẩu Cầu Treo (15 lần), trong đó có những lần liên tục xuất cảnh và liên tục nhập cảnh (Thông tin xuất cảnh nhiều lần nhưng không có thông tin nhập cảnh và ngược lại), thể hiện ông Ch thường xuyên có mặt tại Việt Nam. Ngày 01/11/2023, Tòa án cấp sơ thẩm cùng với tổ trưởng tổ dân phố 14 phường CD cũng đã tống đạt được trực tiếp văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Ch tại nơi cư trú đăng ký tại Việt Nam. Đồng thời, giữa

ông Vương Văn Ch và bà Trương Thị T vẫn có quan hệ vợ chồng, cùng chung sống và thường xuyên liên hệ với nhau.

Do đó, vụ án trên đây thuộc trường hợp không thay đổi về thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017 ngày 05/5/2017; khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân quận BTL giải quyết là đúng thẩm quyền nên kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị T là không có căn cứ.

Mặt khác, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ theo trình tự sơ thẩm, ông Ch đã cung cấp địa chỉ cụ thể nơi làm việc, có xác nhận của cơ quan tại Lào và đã có văn bản đề nghị Tòa án tống đạt các vản bản tố tụng cho ông theo địa chỉ tại Lào nên đây không phải thuộc trường hợp đương sự dấu địa chỉ hoặc không xác định được địa chỉ. Đáng lẽ trong trường hợp này khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý lại vụ án để giải quyết thì phải thực hiện các thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự ở nước ngoài theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tài liệu tống đạt các văn bản tố tụng thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tống đạt và niêm yết tại địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông Ch tại "*P1105, nhà A, Chung cư 17 tầng, TDP số 14, phường CD, Quận NTL, thành phố Hà Nội*" là tống đạt chưa hợp lệ. Ý kiến kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội về việc Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm về thủ tục tống đạt văn bản tố tụng là có cơ sở.

Tại cấp phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm đã thông báo thụ lý, có văn bản phổ biến quyền và nghĩa vụ tống đạt cho ông Ch theo đại chỉ tại Lào. Ông Ch đã nhận được các văn bản và thông báo của Tòa án nhưng không có bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ và không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do đó, ông Ch đã tự từ bỏ quyền được tự bảo vệ và trình bày ý kiến của mình. Như vậy, thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm đã được khắc phục tại cấp phúc thẩm nên xét thấy không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Thứ hai, về yêu cầu thanh toán số tiền lãi của Hợp đồng tín dụng là lãi trong hạn: ***43.349.340 đồng****; lãi quá hạn:* ***1.971.914.773 đồng.***

Nhận thấy:

Tại Điều 4 của các Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD110201705 ngày 22/6/2017 các bên có thỏa thuận: "*Phương thức áp dung và điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất theo phương thức thả nổi, định kỳ điều chỉnh 03 tháng 1 lần và được xác định theo công thức:* $LS_{CV} = LS_{TK\ 13\ tháng} + Margin$".

Theo Bảng kê tính lãi Ngân hàng LPBank cung cấp thể hiện Ngân hàng không áp dụng và điều chỉnh lãi suất theo đúng thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng mà từ tháng 5/2018 đến nay, Ngân hàng tính lãi cố định với mức lãi suất trong hạn là 10,3%/năm, lãi suất quá hạn là 15,45%/năm. Toà án cấp sơ thẩm không yêu cầu Ngân hàng cung cấp các Quyết định điều chỉnh lãi suất mà chấp nhận toàn bộ yêu cầu tính lãi của Ngân hàng là không đúng.

Tại Toà án cấp phúc thẩm, Tòa án đã có Quyết định số 814/2024/QĐ-CCTLCC ngày 09/11/2024 yêu cầu cung cấp: "*Các Quyết định điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt đã áp dụng để xác định lãi suất đối với các khoản vay của Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD110201705 ngày 22/6/2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là ngày 15/01/2024; Bảng kê tính gốc, lãi phải thanh toán đối với các khoản vay của Hợp đồng tín dụng theo các quyết định điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm.*

Thực hiện Quyết định số 814/2024/QĐ-CCTLCC ngày 09/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, Ngân hàng LPBank đã cung cấp các Quyết định điều chỉnh lãi suất và Bảng kê tính gốc, lãi mà Công ty CCN phải thanh toán tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Theo Bảng kê cung cấp tại Tòa án cấp phúc thẩm trên thì tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 15/01/2024, Công ty CCN phải thanh toán số tiền lãi là 2.048.296.460 đồng, trong đó lãi trong hạn: 43.349.340 đồng; lãi quá hạn: 2.004.947.120 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng LPBank giữ nguyên yêu cầu thanh toán số tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn là 15,45%/năm tạm tính ngày 15/01/2024 như Bảng kê cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm. Còn từ kể từ ngày 16/01/2024, Công ty CCN phải chịu lãi suất trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HDTD110201705 ngày 22/6/2017.

Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu thanh toán số tiền lãi nêu trên của Ngân

hàng LPBank là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận. Theo đó, tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 15/01/2024, Công ty CCN phải thanh toán số tiền lãi là 2.015.264.113 đồng, trong đó lãi trong hạn: 43.349.340 đồng; lãi quá hạn: 1.971.914.773 đồng.

Kể từ ngày 16/01/2024, trường hợp Công ty CCN không trả số tiền nêu trên cho Ngân hàng LPBank thì phải chịu lãi suất trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HDTD110201705 ngày 22/6/2017, giấy đề nghị vay vốn kiêm khế ước nhận nợ cho đến ngày trả xong nợ gốc.

Thứ ba, về nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trương Thị T cho rằng từ năm 2012 trong quá trình sử dụng căn hộ, bà T đã đầu tư sửa chữa, cải tạo một số hạng mục bên trong căn hộ, chi phí hết 269.370.337 đồng nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, giải quyết.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngân hàng LBBank và ông Vương Văn Ch đã ký kết Hợp đồng thế chấp công chứng số 013309/2011 ngày 04/11/2011do Văn phòng công chứng HG (Nay là VPCC ND) lập. Việc bà T cho rằng thời điểm thế chấp bà đã kết hôn với ông Ch. Tuy nhiên Hợp đồng thế chấp tài sản số 013309/2011, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐTHC được ông Ch ký với Ngân hàng Liên Việt ngày 04/11/2011 mà ông Ch, bà T kết hôn ngày 28/11/2011 theo Giấy CNKH số 203-2011 ngày 28/11/2011 do UBND thị trấn CD cấp).Chị Nhi cho rằng chị sống tại căn hộ trên từ năm 2012 với bà T, có công sức đóng góp trong việc duy tu khối tài sản nhưng thời điểm này, ông Ch đã thế chấp và theo thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp thì những phát sinh từ khối tài sản cũng thuộc tài sản thế chấp. Do vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T về việc thanh toán chi phí đầu tư sửa chữa, cải tạo một số hạng mục bên trong căn hộ là tài sản thế chấp.

Từ những phân tích trên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Chấp nhận một phần kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân quận BTL về việc xác định Toà án cấp sơ thẩm thực hiện thủ tục tống đạt chưa hợp lệ và thua thập tài

liệu, chứng cứ liên quan đến căn cứ tính lãi. Thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm đã được khắc phục tại cấp phúc thẩm nên xét thấy không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Về án phí: Người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 254, 280, 282, 317, 318, 322, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ: Khoản 1 điều 30; khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 97; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244, Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 90; 91; 94; 95; 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010.

- Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch đảm bảo; Nghị định 11/CP/2012 ngày 22/02/2011 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch đảm bảo.

- Thông tư 39/2016 ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng của ngân hàng nhà nước Việt Nam;

- Căn cứ Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Chấp nhận một phần kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân quận BTL; Xử:

1. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân quận BTL, thành phố Hà Nội.

2. Về án phí:

Án phí phúc thẩm:

Bà Trương Thị T phải chịu **2.000.000 đồng** (*Hai triệu đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, đã nộp **300.000 đồng** *(Ba trăm ngàn đồng)*

theo biên lai số 0021519 ngày 25/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận BTL, thành phố Hà Nội, còn phải nộp **1.700.000 đồng** (*Một triệu bảy trăm ngàn đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-VKSND TP Hà Nội;
- TAND Q. BTL;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. BTL;
- Các Đương sự;
-Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN

Bùi Đức Bằng